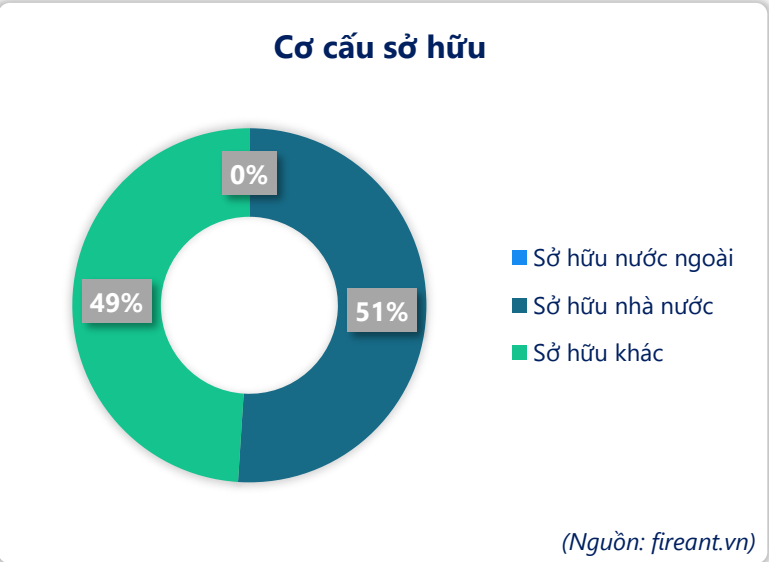
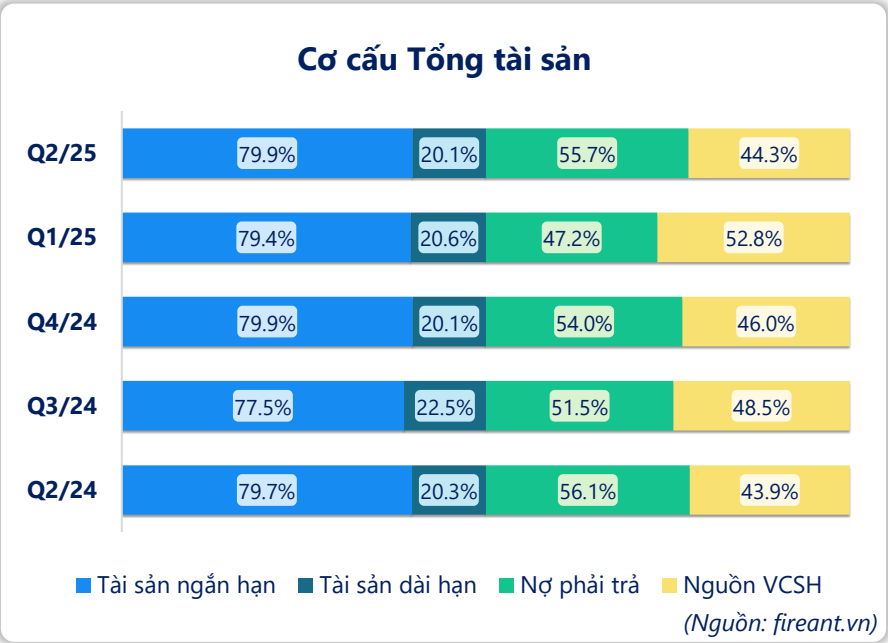
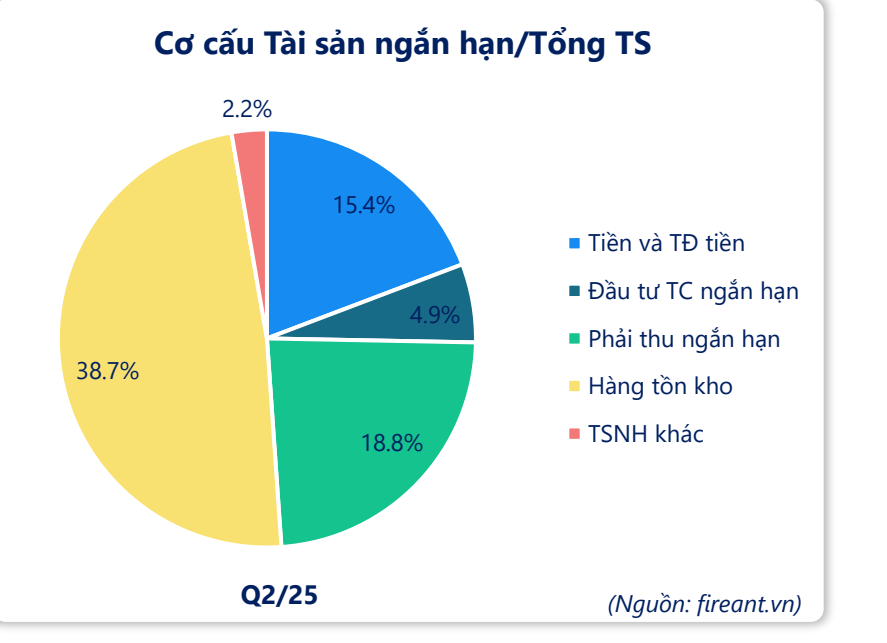
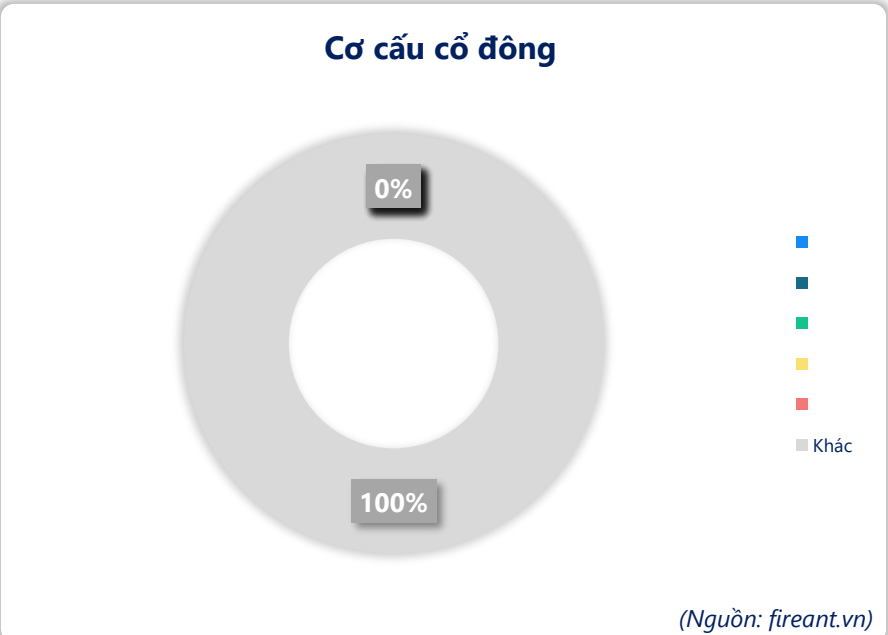
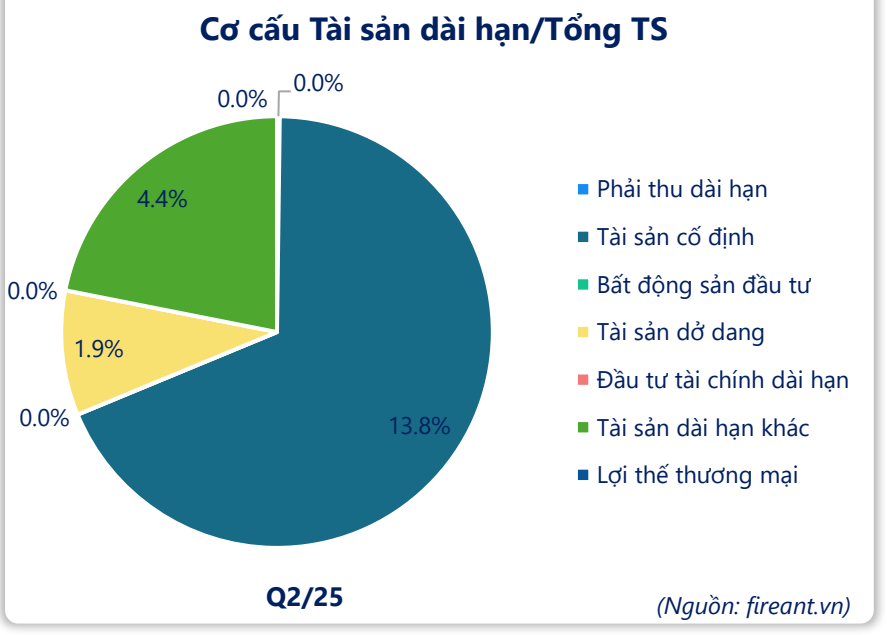
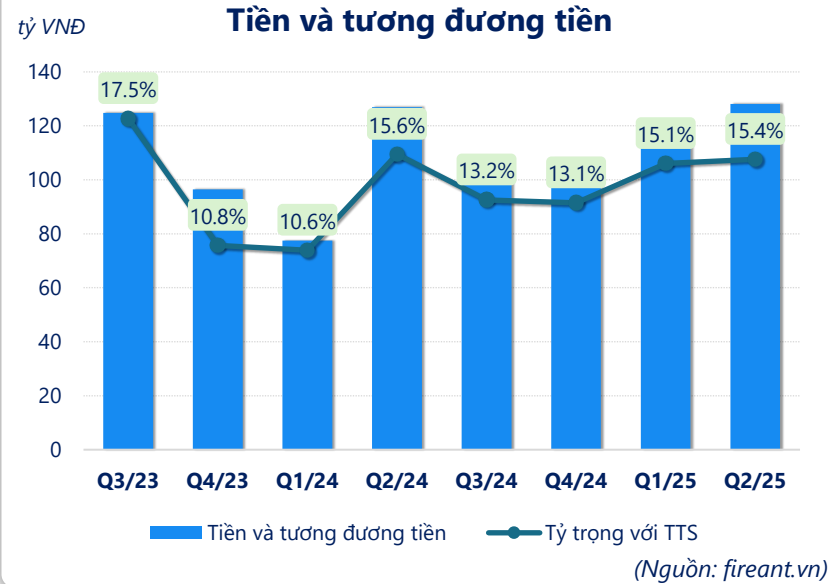
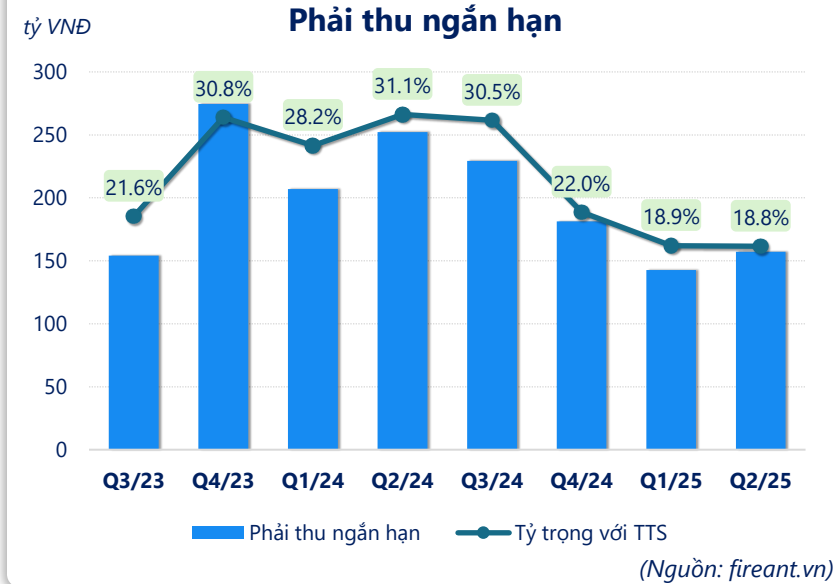
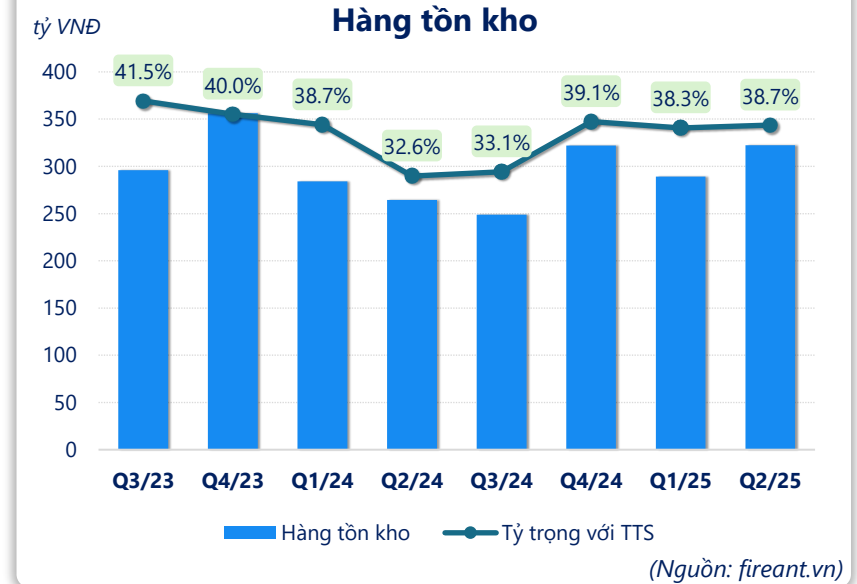
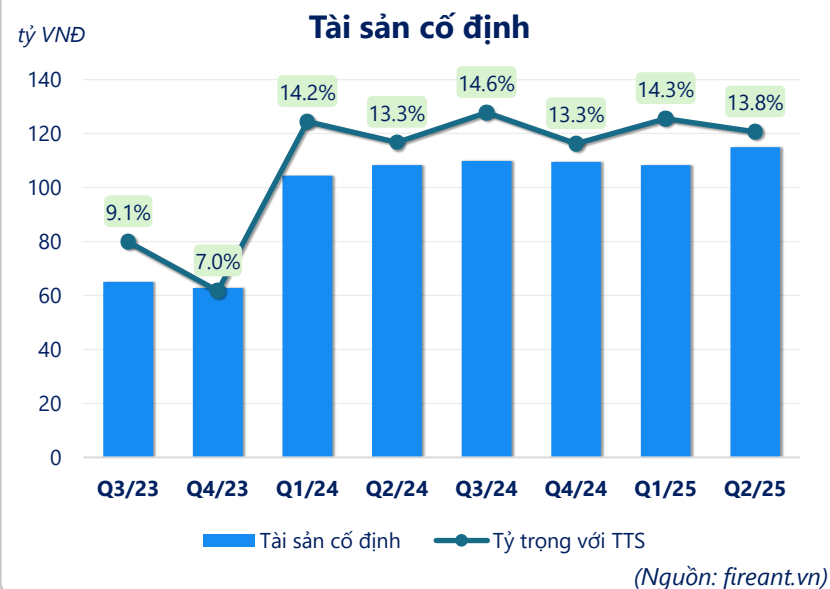
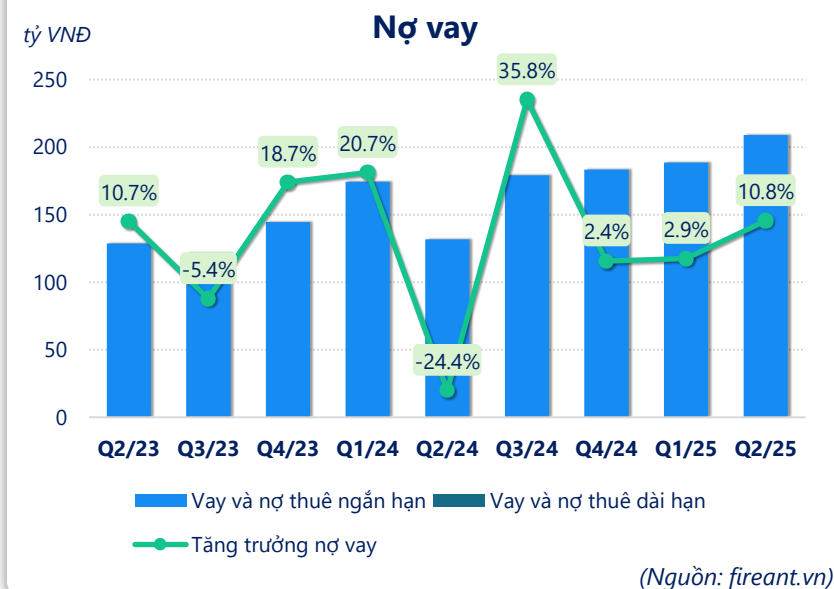
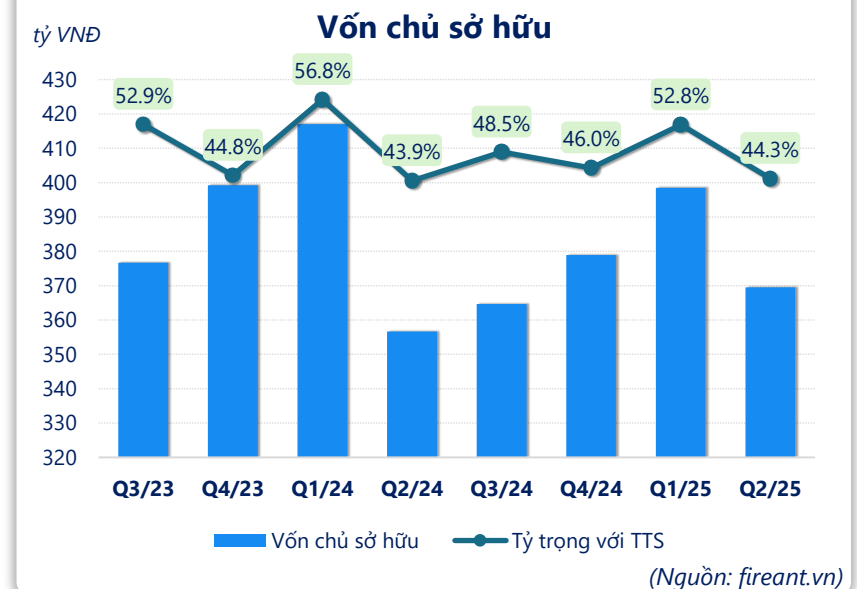
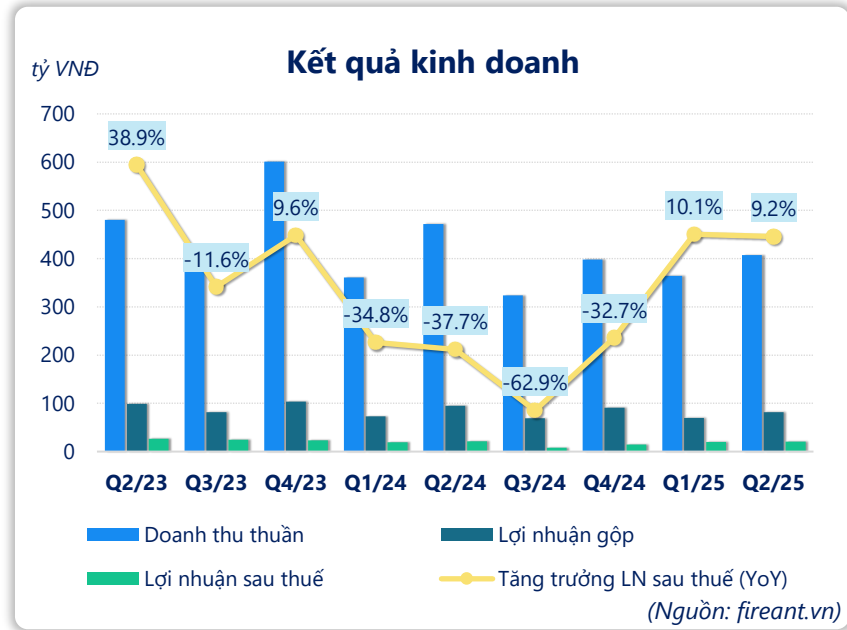
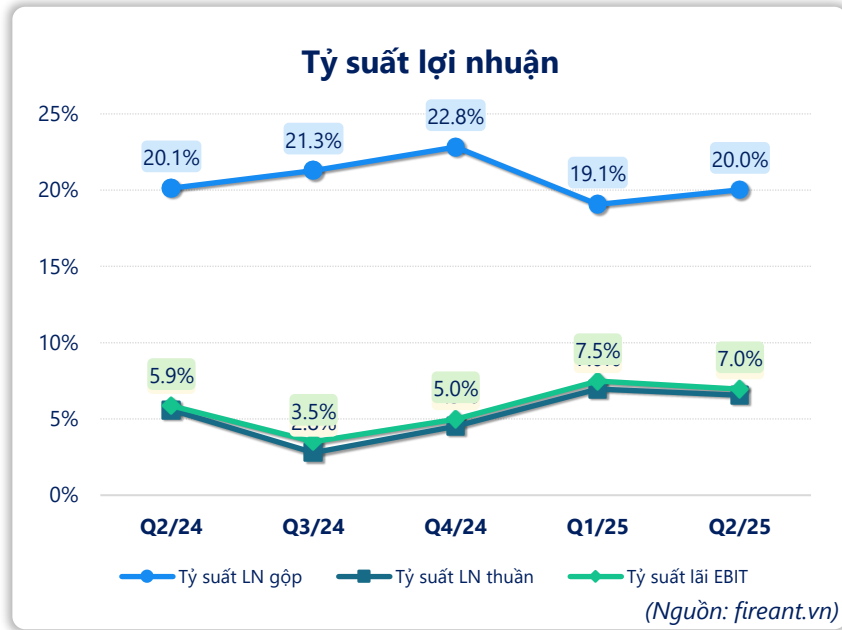
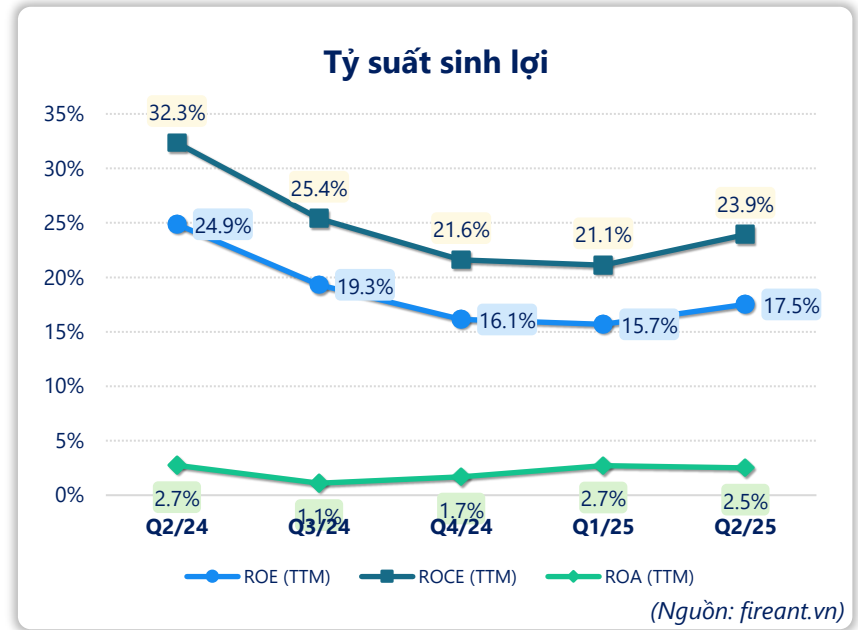
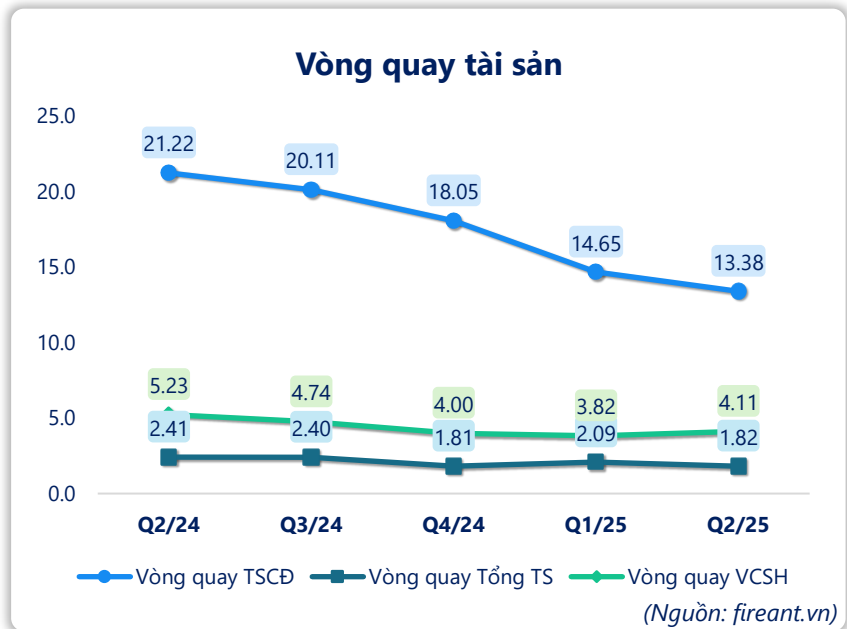
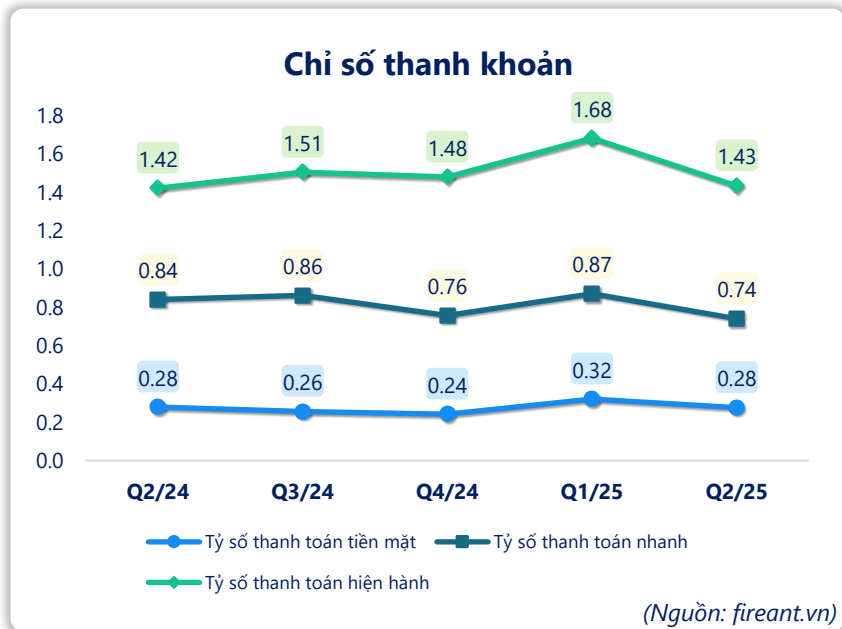
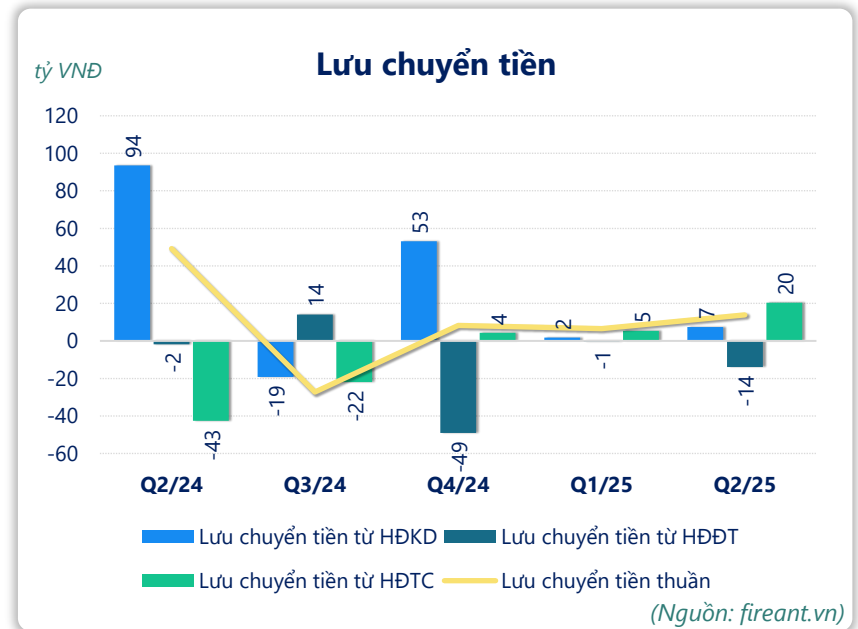


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		30,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		37,649
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		26,420
SL cổ phiếu LH		23,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		4,930
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		711
P/E		11.2
EPS		2,764

	YTD	1T	3T	6T
SKV	3.3%	6.0%	4.0%	4.6%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	834	823	1.4%
Tài sản ngắn hạn	666	659	1.2%
Tiền và tương đương tiền	128	108	19.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	40.5	39.6	2.2%
Phải thu ngắn hạn	157	181	-13.3%
Hàng tồn kho	322	322	0.2%
Tài sản ngắn hạn khác	18.1	8.24	120%
Tài sản dài hạn	168	164	2.1%
Phải thu dài hạn	0.35	0.34	2.9%
Tài sản cố định	115	113	1.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	15.7	0.23	6775%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	36.7	50.7	-27.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	465	444	4.6%
Nợ ngắn hạn	465	444	4.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	209	183	14.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	138	166	-16.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	370	379	-2.4%
Vốn chủ sở hữu	370	379	-2.4%
Vốn điều lệ	230	230	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.00	0.00	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	471	324	398	364	408
Giá vốn hàng bán	377	255	307	295	326
Lợi nhuận gộp	94.9	69.0	90.8	69.5	81.6
Doanh thu HĐTC	0.48	0.57	1.22	0.44	1.36
Chi phí TC	1.13	1.13	1.81	1.92	2.43
Chi phí lãi vay	1.13	1.06	1.41	1.82	1.77
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	49.2	44.4	52.6	27.0	36.8
Chi phí QLDN	18.6	15.0	19.6	15.6	17.0
LN thuần từ HĐKD	26.4	9.04	18.0	25.4	26.7
Lợi nhuận khác	0.11	1.27	0.42	0.08	-0.12
LN trước thuế	26.5	10.3	18.4	25.4	26.6
Lợi nhuận sau thuế	21.1	8.08	14.6	20.2	20.7
LNST của CĐ cty mẹ	21.1	8.08	14.6	20.2	20.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	93.5	-19.3	53.1	1.79	7.44
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.77	14.0	-49.1	-0.53	-13.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-42.6	-22.0	4.31	5.35	20.3
Tiền đầu kỳ	77.5	127	99.4	108	114
Lưu chuyển tiền thuần	49.2	-27.3	8.24	6.61	13.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0.23	-0.23	0	0	0
Tiền cuối kỳ	127	99.4	108	114	128

(Nguồn: fireant.vn)